TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 359/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 25 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 548/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1950; Địa chỉ: Số 01, đường V, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm: 1935; Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các Điều 147; 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 146 và khoản 4 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Thành C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Đối với các con chung là ông Nguyễn Thành N, sinh ngày 03/7/1973 và ông Nguyễn Thăng L, sinh ngày 03/7/1975 đã trưởng thành và có

gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thành C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại Điều 146; khoản 4 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN
Đã ký tên và đóng dấu

Võ Thị Minh Nhựt